

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC LỰA CHỌN VIỆC LÀM KẾ TOÁN CỦA SINH VIÊN TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

TS. Nguyễn Thị Thanh Nga
Trường Đại học Lao động - Xã hội
ngantt1409@gmail.com

Tóm tắt: Nghề nghiệp sau khi sinh viên tốt nghiệp là một bước tiến mới của cuộc đời một con người. Một số nhân tố tác động đến việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội như: tài chính, thị trường lao động, ghi nhận chuyên môn, môi trường làm việc, đào tạo chuyên nghiệp, giá trị xã hội. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích các nhân tố trên đến việc lựa chọn việc làm kế toán của sinh viên trong đơn vị hành chính sự nghiệp thông qua phần mềm SPSS 22 với thống kê mô tả và hồi quy logistic. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả 6 nhân tố trên đều có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm kế toán của sinh viên trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong đó, nhân tố thị trường lao động có ảnh hưởng mạnh nhất và nhân tố môi trường làm việc có ảnh hưởng ít nhất. Nghiên cứu các nhân tố này góp phần đánh giá nhận thức của sinh viên khoa Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội đối với việc lựa chọn nghề kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Từ đó, tác giả đưa một số khuyến nghị nhằm giúp cho sinh viên khoa kế toán chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn khi xin việc làm ở vị trí kế toán trong các đơn vị công.

Từ khóa: Kế toán, việc làm kế toán, thị trường lao động về kế toán công

EXAMINE THE ELEMENTS THAT AFFECT STUDENTS' DECISIONS REGARDING ACCOUNTING POSITIONS WITHIN ADMINISTRATIVE AND PUBLIC SERVICE AGENCIES

Abstract: A career following graduation represents a significant transition in an individual's life. Various factors influence the decision to pursue a profession in accounting among students from the University of Labor and Social Affairs, particularly within administrative and public service agencies. These factors include financial considerations, the labor market, professional recognition, the working environment, opportunities for professional training, and social value. This article employs an analytical approach to examine these factors affecting the selection of accounting positions by students in administrative and public service agencies, utilizing SPSS 22 software for descriptive statistics and logistic regression analysis. The findings of the research indicate that all six factors mentioned above significantly affect the selection of accounting careers among students in administrative and public service agencies. Among these, labor market factors exert the most substantial influence, while factors related to the working environment have the least impact. This investigation into these factors aids in evaluating the perceptions of students from the Accounting Faculty at the University of Labor and

Social Affairs regarding their choice of the accounting profession within administrative and public service units (HCSN). Consequently, the author provides several recommendations aimed at enhancing the knowledge and skills of accounting students as they prepare to apply for positions in public sector accounting roles.

Keywords: Accounting, accounting jobs, labor market in public accounting.

Mã bài báo: JHS - 211

Ngày nhận bài sửa: 15/07/2024

Ngày nhận bài: 20/06/2024

Ngày duyệt đăng: 20/07/2024

Ngày nhận phản biện: 02/07/2024

1. Giới thiệu

Sự nghiệp là một trong những khía cạnh cần thiết của cuộc sống con người. Khả năng và sở thích của mỗi người chắc chắn sẽ trở thành yếu tố cần thiết trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Do đó, một người có thể đánh giá khả năng và sở thích của mình, xem xét các cơ hội nghề nghiệp khác nhau, đặt mục tiêu nghề nghiệp và lập kế hoạch cho các hoạt động phát triển thực tế thông qua lập kế hoạch nghề nghiệp. Lập kế hoạch nghề nghiệp có thể được thực hiện trong trường đại học để khi sinh viên tốt nghiệp, họ sẵn sàng lựa chọn nghề nghiệp và bước vào thế giới việc làm (Sulistiyani & Fachriyah, 2019). Một phần trong lực lượng lao động là các sinh viên chuyên ngành kế toán có bằng cử nhân kinh tế (Sulistyawati et al., 2013). Một trong những nghề nghiệp mà họ có thể chọn là trở thành kế toán công (Juliansah & Suryaputri, 2016). Tuy nhiên, việc xin vào làm kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp (HCSN) đối với sinh viên ngành Kế toán của Trường Đại học Lao động - Xã hội còn tương đối khó khăn. Do đó, việc nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm kế toán của các sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp cho sinh viên khoa Kế toán chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn khi xin việc làm ở vị trí kế toán trong các đơn vị công là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao.

Nhiều nhà khoa học trên thế giới đã nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn vị trí việc làm là nhân viên kế toán công của sinh viên kế toán như: Grischa Jovanka và Indra Arifin Djashan (2023) cho rằng, có 6 nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn vị trí việc làm là nhân viên kế toán công của sinh viên kế toán là: phần thưởng tài chính, cân nhắc thị trường lao động, đào tạo chuyên nghiệp, môi trường làm việc, sự công nhận nghề nghiệp và các giá trị xã hội. Các tác giả kết luận rằng, phần thưởng tài chính, sự công nhận sự nghiệp và giá trị xã hội có ảnh hưởng đến việc lựa chọn vị trí việc làm là nhân viên kế toán công. Yerisma

Welly và các cộng sự (2022) cũng xác định tác động của phần thưởng tài chính, giá trị nội tại của công việc và cân nhắc thị trường lao động đối với sở thích nghề nghiệp kế toán công của sinh viên kế toán và xác định vai trò của môi trường làm việc với tư cách là người điều tiết. Faneshia Tangke Rerung và David Adechandra Ashedica Pesudo (2021) lại cho rằng, môi trường làm việc, phần thưởng tài chính và tính cách có ảnh hưởng đối với việc lựa chọn nghề kế toán công của sinh viên kế toán. Nhóm tác giả này có kết luận là: Thứ nhất, môi trường làm việc có ảnh hưởng tích cực đến việc lựa chọn nghề kế toán viên. Thứ hai, phần thưởng tài chính không ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề kế toán công. Học sinh thích có nhiều kinh nghiệm trước tiên, vì vậy họ không xem xét số lượng phần thưởng tài chính nhận được. Thứ ba, tính cách loại A có tác động tích cực đến việc lựa chọn nghề nghiệp kế toán viên.

Các nhà nghiên cứu đưa ra những kết luận khác nhau. Việc nghiên cứu các nhân tố độc lập có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm là nhân viên kế toán trong các đơn vị HCSN của sinh viên ngành Kế toán ở Trường Đại học Lao động - Xã hội là thật sự cần thiết. Qua nghiên cứu các nhân tố độc lập dưới góc độ thống kê mô tả giúp cho tác giả thấy được nhận thức của sinh viên khoa Kế toán về các nhân tố độc lập có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị HCSN.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nhân tố phần thưởng tài chính có 7 nhóm tác giả đề cập. Trong đó, có các nhóm tác giả Grischa Jovanka, Indra Arifin Djashan (2023) và nhóm tác giả Yerisma Welly, Christine Loist, Andy Wijaya Sisca, Martin Yehezkiel Sianipar (2022) và Prem Lal Joshia (2022) cho rằng, nhân tố phần thưởng tài chính có ảnh hưởng đến việc lựa chọn vị trí việc làm là kế toán công của sinh viên ngành kế toán. Thậm chí, nhóm tác giả Yusheng KONG, Jonathan Dior NIMA NGAPEY, Sikandar Ali QALATI (2020) cho rằng nhân tố này có ảnh hưởng tích cực. Ngược lại, nhóm tác giả Faneshia Tangke Rerung, David Adechandra Ashedica Pesudo

(2021) và nhóm tác giả Bambang Jatmiko, Zaky Machmuddah, Amaliya Suryani, Suhana, Titi Laras (2019) lại cho rằng nhân tố phần thưởng tài chính không có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm là kế toán công của sinh viên ngành kế toán. Bên cạnh đó, nhóm tác giả Made Andika Wicaksana, Ida Bagus Dharmadiaksa, I Ketut Yadnyana, Gerianta Wirawan Yasa (2021) cho rằng nhân tố này không những không có ảnh hưởng đến việc lựa chọn vị trí việc làm là kế toán công của sinh viên ngành kế toán mà nó còn bị điều chỉnh bởi giới tính.

Nhân tố “môi trường làm việc” có 6 nhóm tác giả đề cập đến. Trong đó phần lớn các nhóm tác giả cho rằng, nhân tố “môi trường làm việc” có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm là kế toán công của sinh viên ngành kế toán, thậm chí là có ảnh hưởng tích cực như: Faneshia Tangke Rerung, David Adechandra Ashedica Pesudo (2021); Bambang Jatmiko, Zaky Machmuddah, Amaliya Suryani, Suhana, Titi Laras (2019). Nhóm tác giả Made Andika Wicaksana, Ida Bagus Dharmadiaksa, I Ketut Yadnyana, Gerianta Wirawan Yasa (2021) còn nhấn mạnh nhân tố này có ảnh hưởng tích cực và còn không bị ảnh hưởng bởi giới tính. Ngược lại, nhóm tác giả Grischa Jovanka, Indra Arifin Djashan (2023) và Tifania Marieta Sunaryo (2023) lại chỉ rõ nhân tố này không có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề kế toán công của sinh viên kế toán. Bên cạnh đó, nhóm tác giả YerismaWelly, ChristineLoist, AndyWijaya, Sisca, Martin Yehezkiel Sianipar (2022) cho rằng, nhân tố “môi trường làm việc” không thể điều chỉnh mối quan hệ giữa phần thưởng tài chính, giá trị nội tại của công việc và những cân nhắc về thị trường lao động. Biến “môi trường làm việc” không có khả năng trở thành biến điều tiết hoặc chỉ đóng vai trò là biến dự đoán (độc lập) trong mô hình hồi quy.

Nhân tố “Xem xét thị trường lao động” có 5 nhóm tác giả đề cập. Tuy nhiên, có một nhóm tác giả cho rằng nhân tố này có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm là kế toán công của sinh viên ngành kế toán. 2 nhóm tác giả cho rằng nhân tố này có ảnh hưởng tích cực và 2 nhóm lại có ý kiến ngược lại. Tức là nhân tố “xem xét thị trường lao động” không có ảnh hưởng.

Nhân tố “sự ghi nhận chuyên môn” có 3 nhóm tác giả đề cập. Tuy nhiên, có một nhóm tác giả cho rằng nhân tố này có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm là kế toán công của sinh viên ngành kế toán. Còn 2 nhóm cho rằng nhân tố này không có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm là kế toán công của sinh viên ngành kế toán.

Nhân tố “Giá trị xã hội” có 3 nhóm tác giả đề cập. 2 nhóm tác giả cho rằng, nhân tố này có ảnh hưởng tích cực đến việc lựa chọn nghề nghiệp là kế toán công của sinh viên nghề kế toán. Ngược lại, một nhóm tác giả khác lại cho rằng, nhân tố này không có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm là kế toán công của sinh viên ngành kế toán. Đồng thời, nhóm tác giả này cho rằng, nhân tố này không bị điều chỉnh bởi giới tính.

Nhân tố “Đào tạo chuyên nghiệp” có hai nhóm tác giả đề cập. Mỗi nhóm có ý kiến trái ngược nhau hoàn toàn. Nhóm 1 cho rằng nhân tố này không có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề kế toán công của sinh viên ngành kế toán. Nhóm 2 lại nêu rõ nhân tố này có ảnh hưởng đáng kể đến việc lựa chọn nghề kế toán công của sinh viên ngành kế toán.

Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị công chưa nhiều, đặc biệt là nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Các tác giả mới chỉ đề cập tới các nhân tố ảnh hưởng tới lựa chọn học nghề kế toán, sự hài lòng về khả năng thích ứng với nghề kế toán, nhân tố ảnh hưởng ý định làm việc ở một số doanh nghiệp, những điều sinh viên kế toán cần học để đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng kế toán. Cụ thể như sau:

Theo Văn và Danh (2017) trong bài viết “Những nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn học ngành kế toán ở Việt Nam” chỉ ra có 6 nhân tố là: đặc điểm của trường đại học, tính cách, sở thích của người học, năng lực của người học, viễn cảnh nghề nghiệp, tính chất nghề nghiệp và xã hội ảnh hưởng đến việc lựa chọn học nghề kế toán ở Việt Nam.

Theo Trang, Linh và Lương (2018) khi đánh giá về sự hài lòng về khả năng thích ứng với nghề nghiệp kế toán cho rằng có hai nhân tố: Quản lý và thái độ có tác động đến sự hài lòng về khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Trong đó, nhân tố “Quản lý” có mức độ tác động lớn hơn nhân tố “Thái độ”.

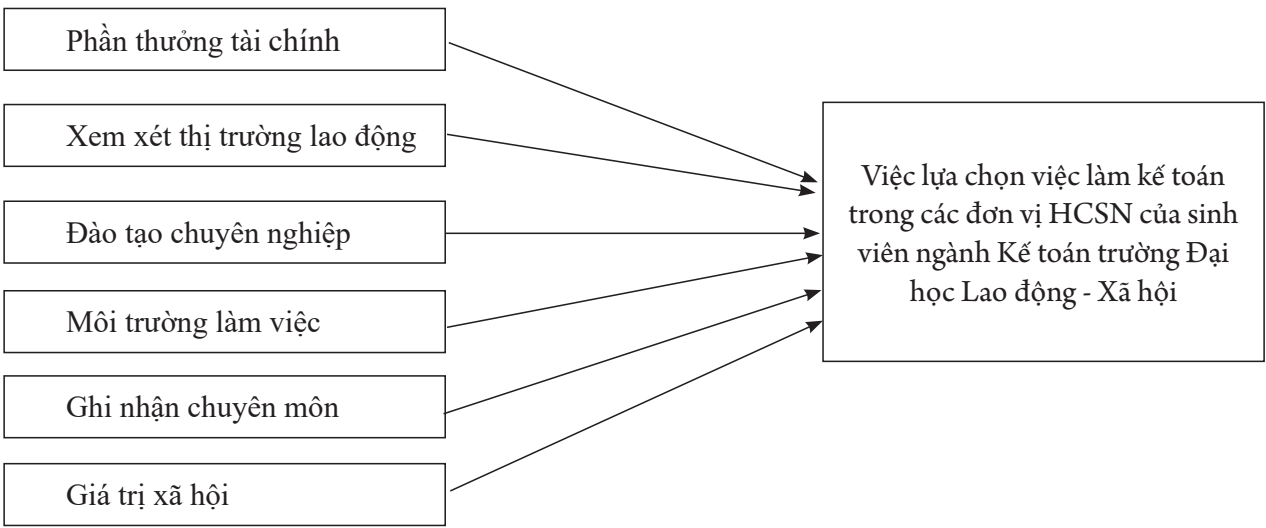
Với bài viết: “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới ý định làm việc tại Big 4 của sinh viên ngành Kế toán và Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế quốc dân” của nhóm tác giả Ánh và Linh (2014) cho thấy, có 4 yếu tố: Thái độ, chuẩn chủ quan, nhận thức và chuyên ngành học có ảnh hưởng quan trọng tới sự lựa chọn làm việc tại Big 4 của sinh viên trong khi “Giới tính” không phải là nhân tố tác động. Bài viết này giúp cho các đơn vị đào tạo đưa ra tư vấn tốt nhất giúp cho sinh viên tiếp cận cơ hội việc làm phù hợp.

Qua nghiên cứu, tác giả đã thống kê được một số nhân tố chính có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm là kế toán công của sinh viên ngành Kế toán. Các nhân tố bao gồm: Phần thưởng tài chính, xem xét thị trường lao động, đào tạo chuyên nghiệp, môi trường làm việc, sự ghi nhận chuyên môn, giá trị xã hội, giá trị nội tại công việc, những người theo tuýp A, kiến thức kế toán, môi trường gia đình, sự ảnh hưởng của bố mẹ và bạn bè, thái độ, tính chủ quan, sự kiểm soát hành vi, lợi nhuận và chi phí, sự kiểm soát và văn hóa. Trong các nhóm nhân tố này, có một số nhân tố được đề cập nhiều lần như: phần thưởng tài chính (7 nhóm tác giả), xem xét thị trường lao động (5 nhóm tác giả), đào tạo chuyên nghiệp (2 nhóm tác giả), môi trường làm việc (6 nhóm tác giả), sự ghi nhận chuyên môn (3 nhóm tác giả), giá trị xã hội (3 nhóm tác giả), các nhân tố còn lại chỉ có một nhóm tác giả đề cập ảnh hưởng

đến việc lựa chọn nghề kế toán công của sinh viên kế toán. Để nghiên cứu có được kết quả tập trung, tác giả nghiên cứu các nhân tố có ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm là kế toán công của sinh viên ngành Kế toán được các nhóm tác giả đề cập nhiều lần. Ngoài ra, tác giả cũng lựa chọn các nhân tố mà các nhóm tác giả có các quan niệm khác nhau để làm rõ ảnh hưởng của các nhân tố này trong nghiên cứu của mình.

Từ các nghiên cứu này, tác giả nghiên cứu 6 nhân tố có ảnh hưởng như thế nào đến việc lựa chọn nghề kế toán của sinh viên ngành Kế toán tại Trường Đại học Lao động - Xã hội. Đơn vị hành chính sự nghiệp là một loại hình đơn vị thuộc đơn vị công. Do đó, tác giả thấy rằng nghiên cứu 6 nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn việc làm kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội là một nội dung cần thiết nghiên cứu.

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

3. Phương pháp nghiên cứu

Các giai đoạn thực hiện từ thu thập, xử lý dữ liệu đến phân tích như sau:

- Dựa trên các nghiên cứu trước và mô hình nghiên cứu của Grischa Jovanka, Indra Arifin Djashan (2023), tác giả xây dựng bảng hỏi và gửi đến các em sinh viên năm thứ 3, năm thứ 4 khoa Kế toán Trường Đại học Lao động – Xã hội (Trụ sở chính) qua google form.
- Dữ liệu thu thập được 200 phiếu. Sau khi mã hóa và làm sạch dữ liệu, thu được 197 phiếu hợp lệ.

- Phân tích dữ liệu trên phần mềm SPSS 22: Thống kê mô tả và hồi quy logistic.

Trong bảng hỏi, phần biến độc lập được thiết kế thành 6 phần. Phần 1 “Phần thưởng tài chính”. Phần 2 “Thị trường lao động” và Phần 3 “Đào tạo chuyên nghiệp”; Phần 4 “Môi trường làm việc”; Phần 5 “Ghi nhận chuyên môn”; Phần 6 “Giá trị xã hội”. Các biến quan sát và thang đo Likert của từng loại được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Mô tả thang đo

STT	Các biến độc lập	Mã hóa	Biến quan sát	Thang đo Likert
1	Phần thưởng tài chính	TC	05	1- rất không đồng ý; 2 – Không đồng ý, 3 – Bình thường, 4 – đồng ý, 5- Rất đồng ý
2	Thị trường lao động	TTLD	04	
3	Đào tạo chuyên nghiệp	DTCN	04	
4	Môi trường làm việc	MTLV	05	
5	Ghi nhận chuyên môn	GNCM	4	
6	Giá trị xã hội	GTXH	4	

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Phần biến phụ thuộc là “Việc lựa chọn việc làm kế toán của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội” là biến phụ thuộc dạng nhị phân để ước lượng xác suất một sự kiện sẽ xảy ra với những thông tin của biến độc lập. Khi biến phụ thuộc ở dạng nhị phân (hai biểu hiện 0 và 1) thì không thể phân tích với dạng hồi quy thông thường mà phải sử dụng hồi quy Binary Logistic.

Mô tả mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu là 200 sinh viên, phần lớn là sinh viên cuối năm thứ 4 và có một số sinh viên cuối năm thứ 3. Các sinh viên này cuối năm thứ 3 đã được nghiên cứu các môn kế toán chuyên ngành, đã hiểu phạm vi làm việc của từng phần kế toán doanh nghiệp, kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong 200 phiếu khảo sát, có 3 sinh viên trả lời không đúng quy định, phiếu hỏng không đủ điều kiện sử dụng, còn lại 197 sinh viên khảo sát phiếu

đủ điều kiện sử dụng, phiếu khảo sát là nữ có 186 người, chiếm đến 94,4%; nam là 11 người, chiếm 5,6 %. Điều này cũng dễ hiểu bởi trong công việc kế toán thì nữ là chủ yếu, ngay từ khi còn học ngành Kế toán ở khoa Kế toán - Trường Đại học Lao động - Xã hội thì số lượng nữ cũng chiếm số đông. Độ tuổi của đối tượng tham gia khảo sát dưới 21 tuổi chiếm 15,7%. Độ tuổi là 21 tuổi chiếm 45,7%. Độ tuổi trên 21 chiếm 38,6% tổng đối tượng khảo sát. Điều này cho thấy, số lượng sinh viên được khảo sát chủ yếu đang ở độ tuổi từ 21 tuổi trở lên tại Trường Đại học Lao động - Xã hội (chiếm 84,3%), đây là các sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 khoa Kế toán của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

4. Kết quả nghiên cứu

Tác giả sử dụng SPSS 22 để thống kê mô tả các biến độc lập. Kết quả như sau:

Phần thưởng tài chính (TC)

Bảng 2. Mô tả nhân tố phần thưởng tài chính

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
TC1.1	197	1.0	5.0	3.843	.9262
TC1.2	197	1.0	5.0	3.853	.9333
TC1.3	197	1.0	5.0	3.848	.9985
TC1.4	197	1.0	5.0	3.812	.6603
TC1.5	197	1.0	5.0	4.010	.9035
TC	197	1.00	5.00	3.8731	.80859
Valid N (listwise)	197				

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Kết quả phân tích cho thấy, phần thưởng tài chính được các sinh viên đánh giá ở mức 3.8731. Điều này thể hiện, sinh viên đánh giá cao về phần thưởng tài chính đối với việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong các nội dung phân ánh phần thưởng tài chính, lương hưu là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn nghề do có mức đánh

giá cao nhất là 4.010. Yếu tố “công việc có đem lại các thu nhập khác” có ảnh hưởng ít nhất đến việc lựa chọn nghề kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. Tuy nhiên, cũng ở mức đánh giá tương đối cao (3.812). Các nội dung còn lại đều được sinh viên đánh giá tương đối tốt.

Bảng 3. Mô tả nhân tố thị trường lao động

Descriptive Statistics					
	<i>N</i>	<i>Minimum</i>	<i>Maximum</i>	<i>Mean</i>	<i>Std. Deviation</i>
TTLD2.1	197	1.0	5.0	3.173	.9207
TTLD2.2	197	1.0	5.0	3.147	.8352
TTLD2.3	197	1.0	5.0	3.157	.8575
TTLD2.4	197	1.0	5.0	3.365	.7539
TTLD	197	1.00	4.75	3.2107	.78696
Valid N (listwise)	197				

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Kết quả phân tích cho thấy, thị trường lao động được các sinh viên đánh giá ở mức 3.2107. Điều này cho thấy, sinh viên đánh giá trung bình về thị trường lao động đối với việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên khoa Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. Trong các nội dung phản ánh thị trường lao động, làm việc ổn định trong thời gian dài là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn nghề kế toán trong

đơn vị HCSN do có mức đánh giá cao nhất là 3.365. Yếu tố “công việc kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp được trả lương cao” có ảnh hưởng ít nhất đến việc lựa chọn nghề kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. (3.147). Các nội dung còn lại đều được sinh viên đánh giá ở mức độ trung bình.

Đào tạo chuyên nghiệp (DTCN)

Bảng 4. Mô tả nhân tố đào tạo chuyên nghiệp

Descriptive Statistics					
	<i>N</i>	<i>Minimum</i>	<i>Maximum</i>	<i>Mean</i>	<i>Std. Deviation</i>
DTCN3.1	197	1.0	5.0	3.736	.8358
DTCN3.2	197	1.0	5.0	3.721	.6538
DTCN3.3	197	1.0	5.0	3.685	.7891
DTCN3.4	197	1.0	5.0	3.746	.5003
DTCN	197	1.00	5.00	3.7221	.75256
Valid N (listwise)	197				

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Kết quả phân tích cho thấy, “Đào tạo chuyên nghiệp” được các sinh viên khoa Kế toán đánh giá ở mức 3.7221. Điều này cho thấy, sinh viên đánh giá khá cao về đào tạo chuyên nghiệp đối với việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong các nội dung phản ánh đào tạo chuyên nghiệp, công việc kế toán có thể giúp em có được kinh nghiệm làm việc đa dạng là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn nghề do có mức

đánh giá cao nhất là 3.746. Yếu tố “Công việc giúp em được đào tạo thường xuyên” có ảnh hưởng ít nhất đến việc lựa chọn nghề kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. (3.685). Các nội dung còn lại đều được sinh viên đánh giá tương đối cao.

Môi trường làm việc (MTLV)

Bảng 5. Mô tả nhân tố môi trường làm việc

Descriptive Statistics					
	<i>N</i>	<i>Minimum</i>	<i>Maximum</i>	<i>Mean</i>	<i>Std. Deviation</i>
MTLV4.1	197	1.0	5.0	3.518	.6671
MTLV4.2	197	1.0	5.0	3.579	.5547
MTLV4.3	197	1.0	5.0	3.680	.7223
MTLV4.4	197	1.0	5.0	3.680	.9764
MTLV4.5	197	1.0	5.0	3.543	.7853
MTLV	197	1.00	5.00	3.6000	.90193
Valid N (listwise)	197				

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Kết quả phân tích cho thấy, môi trường làm việc được các sinh viên đánh giá ở mức 3.600. Điều này cho thấy, sinh viên đánh giá trên trung bình về môi trường làm việc đối với việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong các nội dung phản ánh môi trường làm việc, “Công việc có sự bình đẳng giới” và “Em sẽ hài lòng trong công việc” là hai yếu tố ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn nghề do có mức đánh

giá cao nhất (đều đạt 3.680). Yếu tố “công việc kế toán trong đơn vị HCSN làm em thích thú” có ảnh hưởng ít nhất đến việc lựa chọn nghề kế toán trong các đơn vị HCSN của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. (3.518). Các nội dung còn lại đều được sinh viên đánh giá trên trung bình.

- Ghi nhận chuyên môn (GNCM)

Bảng 6. Mô tả nhân tố ghi nhận chuyên môn

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
GNCM5.1	197	1.0	5.0	3.594	.7915
GNCM5.2	197	1.0	5.0	3.553	.6444
GNCM5.3	197	1.0	5.0	3.670	.8584
GNCM5.4	197	1.0	5.0	3.670	.7963
GNCM	197	1.00	5.00	3.6218	.80520
Valid N (listwise)	197				

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Kết quả phân tích cho thấy, ghi nhận chuyên môn được các sinh viên đánh giá ở mức 3.6218. Điều này cho thấy, sinh viên đánh giá trên trung bình về ghi nhận chuyên môn đối với việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong các nội dung phản ánh ghi nhận chuyên môn, hai yếu tố ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn nghề kế toán do có mức đánh giá cao nhất là 3.670. Đó là: “em có cơ hội có được giải

quyết công việc chuyên nghiệp” và “Em được đào tạo chuyên nghiệp về chuyên môn”. Yếu tố “em có cơ hội phát triển” có ảnh hưởng ít nhất đến việc lựa chọn nghề kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. (3.553). Các nội dung còn lại đều được sinh viên đánh giá trên trung bình.

- Giá trị xã hội (GTXH)

Bảng 7. Mô tả nhân tố giá trị xã hội

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
GTXH6.1	197	1.0	5.0	3.848	.9934
GTXH6.2	197	1.0	5.0	3.665	.6877
GTXH6.3	197	1.0	5.0	3.746	.6334
GTXH6.4	197	1.0	5.0	3.741	.7395
GTXH	197	1.00	5.00	3.7500	.91613
Valid N (listwise)	197				

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Kết quả phân tích cho thấy, ghi nhận xã hội được các sinh viên đánh giá ở mức 3.750. Điều này cho thấy, sinh viên đánh giá khá về Giá trị xã hội đối với việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong các nội dung phản ánh phần giá trị xã hội, “Làm việc trong đơn vị hành chính sự nghiệp giúp em có uy tín cao trong cộng đồng” là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn nghề do có mức đánh giá cao nhất là 3.848. Yếu tố “em được chú ý nhiều hơn đến hành vi cá nhân” có ảnh hưởng ít nhất đến việc lựa chọn nghề kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội.

(3.665). Các nội dung còn lại đều được sinh viên đánh giá tương đối tốt.

* Kiểm định EFA cho các nhân tố độc lập

Thước đo KMO có giá trị là 0,87 thỏa mãn điều kiện: $0,5 \leq KMO \leq 1$. Như vậy, phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Kiểm định phương sai trích các nhân tố cho thấy 6 nhân tố được trích với tiêu chí Eigenvalue > 1 với tổng phương sai tích lũy là $73,37\% > 50\%$ đáp ứng tiêu chuẩn. Như vậy, 73,37% thay đổi của nhân tố được giải thích bởi biến quan sát, ngoài ra Eigenvalue > 1 nên nhân tố rút ra có ý nghĩa tóm tắt tốt.

Kiểm định hệ số Factor loading cho thấy ma trận nhân tố xoay (Rotated Component Matrix) được thể hiện trong bảng ma trận xoay cho thấy 26 biến quan sát được gom thành 6 nhân tố, tất cả các biến số có hệ số Factor Loading > 0.5. Các thang đo của nhóm Môi trường làm việc hội tụ vào nhóm Môi trường làm việc. Các thang đo của nhóm Tài chính hội tụ vào nhóm nhân tố Tài chính. Các thang đo Đào tạo chuyên nghiệp hội tụ vào nhóm Đào tạo chuyên nghiệp. Các thang đo Giá trị xã hội hội tụ vào nhóm Giá trị xã hội. Các thang

đo Thị trường lao động hội tụ vào nhóm Thị trường lao động. Cuối cùng, các thang đo của nhóm Ghi nhận chuyên môn hội tụ vào nhóm Ghi nhận chuyên môn.

** Hồi quy logistics*

Biến phụ thuộc là biến nhị phân nên tác giả sử dụng hồi quy logistic để phân tích sự ảnh hưởng của các nhân tố độc lập đến nhân tố phụ thuộc. Trước hết tác giả kiểm định Chi - Square Cox & Snell R Square và Nagelkerke R Square.

Bảng 8. Kiểm định Chi - Square, Cox & Snell R Square và Nagelkerke R Square

Omnibus Tests of Model Coefficients					
		Chi-square	df	Sig.	
Step 1	Step	107.498	6	.000	
	Block	107.498	6	.000	
	Model	107.498	6	.000	
Model Summary					
Step	-2 Log likelihood		Cox & Snell R Square	Nagelkerke R Square	
1	139.429 ^a		.421	.589	
a. Estimation terminated at iteration number 6 because parameter estimates changed by less than .001.					
Classification Table ^a					
Observed			Predicted		Percentage Correct
			CHON		
			.0	1.0	
Step 1	CHON	.0	44	19	69.8
		1.0	14	120	89.6
	Overall Percentage				83.2
a. The cut value is .500					

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Mức ý nghĩa kiểm định Chi - Square bằng 0.000 phản ánh mô hình phân tích hồi quy là phù hợp. Các giá trị Cox & Snell R Square và Nagelkerke R Square lần lượt là 0.421 và 0.589 cho biết mô hình phân tích

được sử dụng trong nghiên cứu này tương đối phù hợp. Tỷ lệ dự đoán đúng của mô hình là 83.2%. Mô hình hồi quy logistic được mô tả như sau:

$$\text{Log}_e(P(Y=1)) = 1.005 \cdot \text{TC} + 1.077 \cdot \text{TTLĐ} + 0.669 \cdot \text{DTCN} + 0.667 \cdot \text{MTLV} + 1.026 \cdot \text{GNCM} + 0.903 \cdot \text{GTXH}$$

Bảng 9. Bảng Variables in the Equation

Variables in the Equation							
		B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)
Step 1 ^a	TC	1.005	.347	8.382	1	.004	2.731
	TTLĐ	1.077	.364	8.783	1	.003	2.937
	DTCN	.669	.248	7.311	1	.007	1.953
	MTLV	.667	.274	5.943	1	.015	1.949
	GNCM	1.026	.286	12.848	1	.000	2.789
	GTXH	.903	.256	12.460	1	.000	2.467
	Constant	-18.102	2.755	43.175	1	.000	.000
a. Variable(s) entered on step 1: TC, TTLĐ, DTCN, MTLV, GNCM, GTXH.							

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

Mức ý nghĩa của kiểm định Wald về hệ số hồi quy của các biến độc lập đều nhỏ hơn 0.05 cho biết các biến độc lập đều tác động đến việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Trong các nhân tố tác động đến sự lựa chọn việc làm là nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành kế toán trường Đại học Lao động - Xã hội, biến TTLĐ là nhân tố tác động mạnh nhất do có hệ số hồi quy là 1.077. Mức độ tác động của các nhân tố tiếp theo lần lượt là: GNCM (1.026); TC (1.005); GTXH (0.903); DTCN (0.669) và MTLV (0.667).

5. Bàn luận và kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, cả 6 nhân tố đều tác động đến việc lựa chọn việc làm là kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên khoa Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Nhân tố thị trường lao động là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. Các sinh viên đánh giá ở mức độ trung bình về các biến quan sát của nhân tố này, tức là các em nhận thức rằng nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp không dễ tiếp cận trên thị trường lao động (3.173), lương trả không phải cao (3.147). Làm kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp không thay đổi công việc dễ dàng (3.157) và có thể làm việc ổn định trong thời gian dài (3.365).

Nhân tố ghi nhận chuyên môn có tác động thứ hai đến việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. Nhận thức của sinh viên về nhân tố này ở mức trung bình khá (3.670). Các em cho rằng, lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp giúp cho các em được ghi nhận thành tựu làm việc (3.594), có cơ hội phát triển (3.553), có cơ hội được giải quyết công việc chuyên nghiệp (3.67), được đào tạo chuyên nghiệp về chuyên môn (3.67).

Nhân tố tài chính có tác động thứ 3 đến việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. Nhân tố này được sinh viên đánh giá khá cao trong việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Các em đã cho rằng: nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp được lựa chọn là do có mức lương hấp dẫn (3.843), mức lương gia tăng theo thời gian (3.853), có tiền thưởng (3.848), công việc có đem lại các thu nhập khác (3.812), và đặc biệt là có lương hưu (4.010). Vì các em đang là sinh viên hoặc đi làm thêm nên thu nhập thấp, dưới góc nhìn của sinh

viên, nhân tố ảnh hưởng phần thưởng tài chính là nhân tố được đánh giá khá cao đối với việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

Nhân tố giá trị xã hội có tác động thứ 4 đối với việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. Nhân tố “giá trị xã hội” được các sinh viên khoa Kế toán đánh giá khá cao trong việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp (3.75). Trong đó, làm việc trong đơn vị hành chính sự nghiệp giúp sinh viên có uy tín cao trong cộng đồng được đánh giá ở mức 3.848, sinh viên được chú ý nhiều hơn đến hành vi cá nhân đánh giá ở mức 3.665, công việc giúp sinh viên có sự tương tác với người khác: 3,746, công việc đem lại cho sinh viên sự hài lòng cá nhân cao: 3,741. Theo các sinh viên, nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp được đánh giá khá cao. Các em cho rằng nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp có giá trị xã hội tương đối cao.

Nhân tố đào tạo chuyên nghiệp có tác động thứ 5 đến việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội. Nhận thức của sinh viên về nhân tố này ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp tương đối cao (3.722). Các biểu hiện của nhân tố này: được đơn vị hành chính sự nghiệp đào tạo nghề trước khi bắt đầu công việc, được tham gia các khóa đào tạo bên ngoài đơn vị hành chính sự nghiệp để nâng cao tính chuyên nghiệp, giúp sinh viên được đào tạo thường xuyên, giúp sinh viên có được kinh nghiệm làm việc đa dạng đều được đánh giá ở mức gần với 3,7. Tức là các sinh viên lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp sẽ được đào tạo chuyên môn tốt.

Nhân tố môi trường làm việc ít tác động nhất với việc lựa chọn nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp của các sinh viên. Nhận thức về môi trường làm việc của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội về môi trường làm việc chỉ ở mức trung bình khá. (3.6). Điều này cũng cho thấy, vì các em phần lớn đang học trên ghế nhà trường nên chưa hiểu rõ được môi trường làm việc. Các biến của nhân tố môi trường làm việc: làm sinh viên thích thú, tạo cạnh tranh giữa nhân viên, sự hài lòng trong công việc, tính đặc thù nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp đều được đánh giá ở mức gần 3.6.

Từ những bàn luận trên, chúng ta thấy các sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Lao động - Xã hội cho rằng, nghề kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp

là một việc làm được xã hội tôn vinh, cần phải có chuyên môn nghề nghiệp và được đào tạo nghề chuyên nghiệp. Đây là nghề có lương ổn định, có lương hưu, tuy lương không cao nhưng cũng hấp dẫn với sinh viên, đặc biệt là các bạn nữ. Tuy nhiên, nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp khó tiếp cận, chuyên môn khó, phải đào tạo lâu dài và cần có kinh nghiệm làm việc. Để sinh viên ngành Kế toán có nền tảng kiến thức vững vàng khi tốt nghiệp và xin vào làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, để nghề kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp dễ tiếp cận trên thị trường lao động, các đơn vị hành chính sự nghiệp khi tuyển dụng lao động nên công khai thông tin trên các phương tiện thông tin rộng rãi để sinh viên kế toán có điều kiện tiếp cận.

Thứ hai, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, tăng thu trong các đơn vị hành chính sự nghiệp nhằm tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

Thứ ba, tăng cường tầm quan trọng của môn học kế toán hành chính sự nghiệp trong chương trình đào tạo. Hiện nay, trong chương trình đào tạo, học phần kế toán máy chỉ tập trung cho kế toán doanh nghiệp. Theo tác giả, nhà trường nên bổ sung thêm phần kế toán máy dành cho các đơn vị hành chính sự nghiệp để giúp sinh viên hiểu toàn diện về vị trí kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Nhất là trong những năm gần đây, Công nghệ 4.0 đã làm thay đổi mọi cách thức làm việc của nghề nghiệp, đặc biệt nghề kế toán. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghề kế toán là điều bắt buộc thực hiện.

Thứ tư, nhà trường nên bổ sung thêm nhiều buổi tọa đàm về chuyên môn hơn nữa hoặc có thể mở các lớp kế toán ảo để sinh viên khoa kế toán có thể hiểu được toàn diện hơn công việc của mình trong tương lai để mỗi sinh viên đều có ý thức học tập tốt hơn nữa, tìm hiểu được những rủi ro trong nghề kế toán để trau dồi kiến thức chuyên môn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bambang, J. và nnk. (2019). Career Choice as a Public Accountant in Accounting Students in the City of Semarang Indonesia: Aspects that are Considered. *International Journal of Accounting and Taxation*, Vol. 7, No. 2, pp. 20-26
- Dewi, L. & Surya R. (2020). Factors Affecting Accounting Students In Choosing Accounting Career Path, *Jurnal Dinamika Akuntansi*, Vol. 12, No. 2, September 2020, pp. 100-113
- Grischa, J. & Indra, A. D. 2. (2023). Factors affecting accounting students career selection interests as public accountants. *Global Financial Accounting Journal*, Vol. 07 No. 1, pp. 85-98.
- Faneshia, T. R. & David, A. A. P. (2021). The Influence of the Work Environment, Financial Rewards, and Type a Personality on the Choice of a Public Accountant Career. *International Journal of Social Science and Business* Volume 5, Number 3, 2021, pp. 417-425
- I Dewa, M. D. A. & Made, Y. L. (2023). The Effect of Accounting Knowledge, Family Environment, and Labor Market Considerations on Accounting Student Career Interest as Public Accountants. *American Journal of Humanities and Social Sciences Research*, Volume-07, Issue-01, pp-185-192
- Prem, L. J. (2022). A Conceptual Framework For The Factors Influencing The Accounting Students' Career Choice As Public Accountants. *Journal of accounting, finance and auditing studies*.
- Sikandar, A. Q. (2020). Effects of Financial Rewards, Parents and Peers, and Benefits and Costs on Choosing Accounting Career: A Global Perspective. *Journal of Asian Finance Economics and Business*. DOI: 10.13106/jafeb.2020.vol7.no11.157
- Virra, A. & et al. (2023). Factors Affecting Interest in Accounting Students As Public Accountants (Empirical Study at Indo Global Mandiri University). *International Journal of Marketing & Human Resource Research e-ISSN: 2746-4040 Vol. 4, No. 1*